

UBND XÃ MINH CHÂU
TRƯỜNG TIỂU HỌC DIỄN QUẢNG

BẢNG CÔNG KHAI CHUẨN ĐẦU RA NĂM HỌC 2025-2026

CÁC MÔN KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG

Lớp	Tiếng Việt				Toán				Tiếng Anh			
	TBCTT	Vị thứ	TBCCK	Vị thứ	TBCTT	Vị thứ	TBCCK	Vị thứ	TBCTT	Vị thứ	TBCCK	Vị thứ
1A	6,08	3	6,38	3	6,70	2	7,00	2				
1B	6,45	1	6,76	1	6,71	1	7,00	1				
1C	6,15	2	6,46	2	6,54	3	6,87	3				
TBC Khối 1	6,23		6,53		6,65		6,96					
2B	6,13	2	6,44	2	7,44	1	7,74	1				
2C	7,3	1	7,60	1	6,60	3	6,90	3				
2D	5,82	3	6,12	3	6,88	2	7,18	2				
TBC Khối 2	6,42		6,72		6,97		7,27					
3A	6,8	2	7,10	2	6,10	3	6,40	3	5,40	3	5,70	3
3B	7,68	1	7,98	1	7,35	1	7,65	1	6,20	1	6,50	1
3C	6,7	3	7,00	3	6,6	2	6,9	2	5,70	2	6,00	2
TBC Khối 3	7,06		7,36		6,68		6,98		5,77		6,07	
4A	6,69	3	7	3	6,86	3	7,17	3	5,14	2	5,45	2
4B	7,15	1	7,44	1	7,95	1	8,26	1	6,36	1	6,67	1
4C	6,89	2	7,18	2	7,61	2	7,9	2	4,79	3	5,11	3
TBC Khối 4	6,91		7,21		7,47		7,78		5,43		5,74	
5A	6,95	2	7,26	2	6,4	2	6,7	2	5,95	1	6,26	2
5B	7,19	1	7,48	1	6,64	1	6,95	1	5,98	2	6,29	1
TBC Khối 5	7,07		7,37		6,52		6,83		5,97		6,28	

Minh Châu, ngày 17 tháng 10

Hiệu trưởng





Đàm Thị Lan

TỔNG HỢP				Ghi chú
TBCTT	Vị thứ	TBCCK	Vị thứ	
6,39	2	6,69	2	
6,58	1	6,88	1	
6,35	3	6,67	3	
6,44		6,75		
6,79	2	7,09	2	
6,95	1	7,25	1	
6,35	3	6,65	3	
6,70		7,00		
6,10	3	6,40	3	
7,08	1	7,38	1	
6,33	2	6,63	2	
6,50		6,80		
6,23	3	6,54	2	
7,15	1	7,46	1	
6,43	2	6,73	2	
6,60		6,91		
6,43	2	6,74	2	
6,60	1	6,91	1	
6,52		6,82		

năm 2025

10

—